

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+P1+BK6	7:25	20+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
2		P9+MRM+P5+P4	7:25	14+3+2+1	0+0+0+0		0+2+3+9	0+0+0+0	chuyen 11 MRM-P5
3		PVD2+BK8+RC3	9:25	16+0+0	0+0+0		15+2+2	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2020	TO: PVD2 - P1 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THICH	PVD2	55	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	54	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN BINH MINH	PVD2	47	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC QUYET	PVD2	45	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU THANH	PVD2	38	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGHIEM VU DAT	PVD2	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC DANG	PVD2	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE TAT VINH	PVD2	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM HOAI THANH	PVD2	36	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN DUONG	PVD2	46	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TRUNG	PVD2	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	DAO QUANG PHUC	PVD2	51-52	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THINH	PVD2	42	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUAN	PVD2	37	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG CONG DUNG	PVD2	44	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	PVD2	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	MUSTA FA	PVD2	49	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	DINH VAN CHAO	PVD2	48	1	5		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

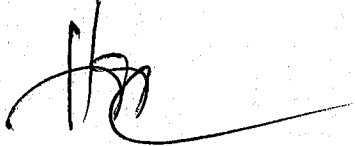
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	18	19	97	1.262	0	19		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	BK6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	19	97	1.262	0	22		
WEIGHT KG				97	1.262	0			

GRAND TOAL: 1.359 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P9 - MRM - P5 - P4	CREW: Hạnh - NPhú - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUANG CHUNG	P9	34	1	17		50	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH NINH	P9	37	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN HUY ANH	P9	31-32	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG VAN TUYEN	P9	40	1	15		90	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOÀN NGỌC ĐÌNH	P9	36	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ANH NGỌC	P9	38-39	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DIỄN	P9	35	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUANG HIỆU	P9	33	1	18		105	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN BỘ	P9	29-30	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LẠC	P9	21-22	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN THANH	P9	27-28	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TOÀN	P9	25-26	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
13	LUU VAN HAI	P9	23-24	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUU TUAN	MRM	40-41	2	18		61	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HUY CHUONG	MRM	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGHE	MRM	38	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THĂNG	P5	50	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	BAEV	P5	49	1	6		83	ANTOAN	Russian
19	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN LOI	P4	12,18	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	20	217	948	0	0		
2	MRM	3	4	28	199	0	2		
3	P5	2	2	11	156	0	3		
4	P4	2	3	15	123	0	9		
TOTAL		20	29	271	1.426	0	14		
WEIGHT KG				271	1.426	0			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: PVD2 - BK8 - RC3	CREW: VThắng - Mạnh - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH HOANG	PVD2	63	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
2	DO MINH THANH	PVD2	72	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	62	1	8		93	KHOAN	Vietnamese
4	LE THANH NGOC	PVD2	64	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH CHUNG	PVD2	71	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
6	DAO QUANG DUNG	PVD2	68	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	LE TRUNG KIEN	PVD2	66	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	PVD2	67	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN SANG	PVD2	70	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	LE KHAC DUC	PVD2	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	DANG THANH TU	PVD2	69	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THIET	PVD2	73	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	KHUC THAI HOA	PVD2	74	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHI LONG	PVD2	60	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
15	DANG VAN HAU	PVD2	58-59	2	14		85	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN NAM	PVD2	56-57	2	12		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC THACH	PVD2	61	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	17	19	130	1.185	0	18		
2	BK8	0	0	0	0	0	2		
3	RC3	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		17	19	130	1.185	20	22		
WEIGHT KG				130	1.185	20			

GRAND TOAL: 1.335 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN